

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: **2418**/SGDDĐT-KHTC

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số
33/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **27** tháng 12 năm 2021

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là *Nghị quyết số 33*);

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện Nghị quyết số 33 của HĐND tỉnh (*có bản phô tô đính kèm*).

Đề nghị các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện./. *lksal*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VP, VT, KHTC(tqh).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

Số: 33/2021/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

a) Quy định mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp.

b) Quy định nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Hội thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi cô nuôi trẻ giỏi; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội

trợ; cuộc thi khoa học kỹ thuật; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; kỳ thi cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp trường; khen thưởng trẻ mầm non, học sinh đoạt giải cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quy định mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi

1. Mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Các kỳ thi, hội thi, cuộc thi của cấp học mầm non, phổ thông theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này, bao gồm:

a) Hội thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi cô nuôi trẻ giỏi; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội trợ.

b) Cuộc thi khoa học kỹ thuật; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; kỳ thi cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp trường.

c) Khen thưởng trẻ mầm non, học sinh đoạt giải cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh.

2. Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị. Đối với nội dung, mức chi cấp trường, đơn vị sử dụng từ nguồn chi thường xuyên giao tự chủ và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Mức chi quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này được áp dụng thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các hoạt động. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong ngày thì được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, VHXH. ttkan180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục I

QUY ĐỊNH MỨC CHI TIỀN CÔNG CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1. Ban Chỉ đạo			
- Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
2. Hội đồng thi			
- Chủ tịch	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
- Ủy viên	Người/ngày	400	
3. Hội đồng/Ban in sao đề thi			
- Chủ tịch/Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	450	
- Thư ký, uỷ viên, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
-Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	400	
4. Ban Thư ký Hội đồng thi			
- Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên	Người/ngày	400	
5. Hội đồng/Ban coi thi			
- Chủ tịch /Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	400	
- Công an, bảo vệ	Người/ngày	200	
6. Ban/Tổ làm phách			
- Trưởng ban/Tổ trưởng làm việc cách ly	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban/Tổ phó làm việc cách ly	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
7. Tổ chức chấm thi: Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm			
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ ngày	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ ngày	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ ngày	200	

Phụ lục II

QUY ĐỊNH MỨC CHI TIỀN CÔNG CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TỔ CHỨC KỶ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)		Ghi chú
		THPT	THPT Chuyên	
1. Ban chỉ đạo				
- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	500	
- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	450	
- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	400	400	
- Phục vụ	<i>Người/ngày</i>	200	200	
2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi tuyển sinh đầu cấp				
2.1. Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi				
- Chủ trì	<i>Người/ngày</i>	400	400	
- Thành viên	<i>Người/ngày</i>	350	350	
2.2. Soạn thảo câu hỏi				
- Câu hỏi thô	<i>Câu</i>	40	60	
- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	<i>Câu</i>	40	50	
- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	<i>Câu</i>	40	40	
- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	<i>Câu</i>	28	28	
- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	<i>Câu</i>	8	8	
3. Hội đồng/Ban ra đề thi				
a) Đề đề xuất	<i>Đề</i>	450	580	
b) Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm				
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	450	
- Thư ký, ủy viên	<i>Người/ngày</i>	400	400	
- Công an Bảo vệ vòng trong (24h/24h)	<i>Người/ngày</i>	350	350	
- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	300	300	
4. Hội đồng/Ban coi thi				
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	450	
- Ủy viên, thư ký, giám thị	<i>Người/ngày</i>	400	400	
- Công an, bảo vệ	<i>Người/ngày</i>	200	200	
5. Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo				
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	500	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	450	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	400	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	200	200	

Phụ lục III

QUY ĐỊNH MỨC CHI TIỀN CÔNG CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TỔ CHỨC KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp huyện	Cấp tỉnh	Quốc gia	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	400	500		
- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	360	450		
- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	320	400		
- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	280	350		
2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi học sinh giỏi các cấp					
2.1. Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi					
- Chủ trì	<i>Người/ngày</i>	300	450		
- Thành viên	<i>Người/ngày</i>	250	400		
2.2. Soạn thảo câu hỏi					
- Câu hỏi thô	<i>Câu</i>	40	60		
- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	<i>Câu</i>	40	50		
- Chính sửa câu hỏi sau thử nghiệm	<i>Câu</i>	40	40		
- Chính sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	<i>Câu</i>	28	28		
- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	<i>Câu</i>	8	8		
3. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	<i>Đề</i>	400	500		
b. Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	400	500		
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	400	450		
- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	400	450		
- Công an, bảo vệ vòng trong (24h/24h)	<i>Người/ngày</i>	300	350		
- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	150	200		
4. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	400	500	560	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	340	450	500	
- Ủy viên, thư ký, giám thi	<i>Người/ngày</i>	280	400	450	
- Công an, bảo vệ	<i>Người/ngày</i>	150	200	200	
5. Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	400	500		
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	360	450		
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	320	400		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	200	200		

Phụ lục IV

NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI: HỘI THI GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG; HỘI THI CÔ NUÔI TRẺ GIỎI; HỘI THI GIA ĐÌNH - DINH DƯỠNG - TRẺ THƠ; HỘI THI BÉ VỚI DINH DƯỠNG; HỘI THI BÉ KHÉO TAY, BÉ NHANH TRÍ, BÉ TẬP LÀM NỘI TRỢ; CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT; CUỘC THI HỌC SINH VỚI Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP; KỲ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỀ PHỔ THÔNG; KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG; KHEN THƯỞNG TRẺ MÀM NON, HỌC SINH ĐẠT GIẢI CẤP TRƯỜNG, CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	Người/ngày	190	320	400	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	290	360	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	110	260	320	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	80	220	280	
2. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	Đề	240	310	460	
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400	
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	125	150	
3. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	290	360	
- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	80	100	120	
4. Hội đồng/Ban chấm thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	224	290	360	
- Ủy viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	200	260	320	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	80	100	120	

II. Nội dung và mức chi khen thưởng

1. Học sinh đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa					
- Giải nhất	<i>Giải</i>	500	640	800	
- Giải nhì	<i>Giải</i>	400	450	600	
- Giải ba	<i>Giải</i>	250	300	400	
- Giải khuyến khích	<i>Giải</i>	150	200	250	
2. Trẻ mầm non, học sinh đoạt giải cuộc thi, hội thi					
2.1. Thưởng cá nhân					
- Nhất hoặc tương đương	<i>Giải</i>	400	450	600	
- Nhì hoặc tương đương	<i>Giải</i>	250	300	450	
- Ba hoặc tương đương	<i>Giải</i>	150	200	300	
2.2. Thưởng tập thể (có từ 02 học sinh trở lên)					
- Nhất hoặc tương đương	<i>Giải</i>	500	600	800	
- Nhì hoặc tương đương	<i>Giải</i>	350	400	600	
- Ba hoặc tương đương	<i>Giải</i>	250	300	400	
- Khuyến khích	<i>Giải</i>	150	200	250	

III. Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

IV. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

Phụ lục V

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI, THI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP GIỎI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	240	400	500	
- Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	200	360	450	
- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ngày</i>	140	320	400	
- Nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	100	280	350	
2. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	<i>Đề</i>	300	390	580	
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	280	360	450	
- Người ra đề thi	<i>Người/ngày</i>	280	360	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	250	320	400	
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	<i>Người/ngày</i>	100	125	150	
3. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	280	360	450	
- Ủy viên, thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	220	280	350	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	100	125	150	
4. Hội đồng/Ban chấm thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	<i>Người/ngày</i>	280	360	450	
- Ủy viên, thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	250	320	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	100	125	150	

II. Mức chi tiền thưởng cho giáo viên đoạt giải

- Giải nhất	<i>Giải</i>	500	640	800	
- Giải nhì	<i>Giải</i>	400	450	600	
- Giải ba	<i>Giải</i>	250	300	400	
- Giải khuyến khích	<i>Giải</i>	150	200	250	

III. Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

IV. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.